

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí để cho các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn từ năm 2017 – 2021.

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 về việc: “Ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XI)”; Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 31/4/2014 về việc: “Phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân”; Quyết định số 1402/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 về việc: “Ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn II (2016 – 2020)”; Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 về việc: Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2021”;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị”; Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/1/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp về việc “Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở”;

Căn cứ Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa”;

Căn cứ các Văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 về việc: “Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 – 2021”; Quyết định số 3843/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 về việc: Ban hành Kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật giai đoạn 2012 – 2016”

trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2021; Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Thực hiện Đề án tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp giai đoạn 2017-2021”; Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 02/10/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”; Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: Thực hiện Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2021” tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 4408/STC-HCSN ngày 13/10/2017 về việc: “Phê duyệt dự toán kinh phí tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017 – 2021”,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán kinh phí để cho các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn từ năm 2017 – 2021 để các ngành, các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn vị thực hiện: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa; Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa; Sở Tư pháp Thanh Hóa; Liên minh hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa; Liên đoàn lao động tỉnh Thanh Hóa; Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa; Hội Nông dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Dự toán và nguồn kinh phí

2.1. Tổng dự toán kinh phí: 15.290,0 triệu đồng (Mười lăm tỷ, hai trăm chín mươi triệu đồng).

Phân kỳ thực hiện và kinh phí bố trí cho từng năm:

a) Năm 2018 là: 3.852,0 triệu đồng.

b) Năm 2019 là: 3.737,0 triệu đồng.

c) Năm 2020 là: 3.871,0 triệu đồng.

d) Năm 2021 là: 3.830,0 triệu đồng.

*(Có các phụ biểu chi tiết kèm theo)*

2.2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí trong dự toán chi thường xuyên của ngân sách hàng năm và nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ hàng năm (nếu có).

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp bố trí kinh phí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm (từ năm 2018 đến năm 2021) cho các đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện, báo cáo UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

3.2. Các đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện theo các nội dung đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trong Đề án; giám sát, kiểm tra, đôn đốc quá trình thực hiện. Quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định và thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 2.** Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa; Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa; Sở Tư pháp Thanh Hóa; Liên minh hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa; Liên đoàn lao động tỉnh Thanh Hóa; Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa; Hội Nông dân tỉnh Thanh Hóa, các ngành và đơn vị có liên quan căn cứ vào nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

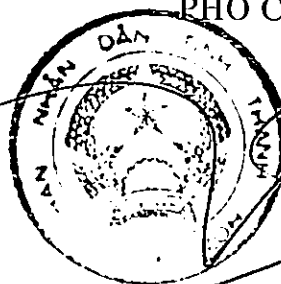
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tư pháp; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa; Liên minh hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa; Liên đoàn lao động tỉnh Thanh Hóa; Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa; Hội Nông dân tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn2017/158 (15).

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

**Phụ biểu tổng hợp:**  
**TỔNG HỢP DỰ TOÁN BÍNH PHÍ TUYÊN TRUYỀN PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT GIAI ĐOẠN 2017-2021**  
 (Kèm theo Quyết định số: 4115 /QĐ-UBND ngày 30 /10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị

| STT | Nội dung                                                                                                                                                  | Đơn vị thực hiện                  | Văn bản, Kế hoạch                                                   | Tổng số      | Trong đó    |             |             |             | Ghi chú   |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-----------|
|     |                                                                                                                                                           |                                   |                                                                     |              | 2018        | 2019        | 2020        | 2021        |           |
|     | <b>Tổng số:</b>                                                                                                                                           |                                   |                                                                     | <b>15290</b> | <b>3852</b> | <b>3737</b> | <b>3871</b> | <b>3830</b> |           |
| 1   | Thực hiện đề án đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2021 tỉnh Thanh Hóa | Ban dân tộc                       | QĐ 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017; KH 178/KH-UBND ngày 19/10/2017       | 1510         | 407         | 292         | 426         | 385         | Phụ lục 1 |
| 2   | Thực hiện đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp đến năm 2021              | Sở Lao động thương binh và xã hội | QĐ 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012; KH 130/KH-UBND ngày 7/8/2017          | 1200         | 300         | 300         | 300         | 300         | Phụ lục 2 |
|     |                                                                                                                                                           | Liên minh Hợp tác xã              |                                                                     | 1188         | 297         | 297         | 297         | 297         | Phụ lục 3 |
|     |                                                                                                                                                           | Liên đoàn lao động tỉnh           |                                                                     | 1200         | 300         | 300         | 300         | 300         | Phụ lục 4 |
| 3   | Thực hiện đề án "tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật giai đoạn 2012-2016" đến năm 2021    | Sở Tư pháp                        | QĐ 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012; QĐ 3843/QĐ-UBND ngày 10/10/2017       | 1764         | 441         | 441         | 441         | 441         | Phụ lục 5 |
| 4   | Thực hiện Đề án của Trung ương "Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên"                     |                                   | QĐ 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012; QĐ số 1402/QĐ-TTg ngày 17/7/2017      | 2392         | 598         | 598         | 598         | 598         |           |
| 5   | Bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác Phổ biến giáo dục pháp luật cho lực lượng làm công tác PBGDPL                                                             |                                   | Thông tư số 14/2014/TT-BTC-BTC ngày 27/1/2017; TT 23/2014/TTLT-BTP- | 2116         | 529         | 529         | 529         | 529         |           |
| 6   | Triển khai thi hành Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa                                                                  |                                   | Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 02/10/2017                             | 440          | 110         | 110         | 110         | 110         |           |

*ATm*

| STT | Nội dung                                                                                                                   | Đơn vị thực hiện      | Văn bản, Kế hoạch                                             | Tổng số | Trong đó |      |      |      | Ghi chú   |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------|---------|----------|------|------|------|-----------|
|     |                                                                                                                            |                       |                                                               |         | 2018     | 2019 | 2020 | 2021 |           |
| 7   | Thực hiện đề án "xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý giai đoạn 2012-2016" đến năm 2021    | Hội Luật gia          | QĐ 409/QĐ-TTg ngày 9/4/2012; QĐ 2459/QĐ-UBND ngày 12/7/2017   | 1200    | 300      | 300  | 300  | 300  | Phụ lục 6 |
| 8   | Kinh phí phối hợp tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật                                                                 | Mặt trận tổ quốc tỉnh | Chỉ đạo theo các đề án của Chính phủ, kế hoạch của địa phương | 1000    | 250      | 250  | 250  | 250  | Phụ lục 7 |
| 9   | Kinh phí các nhiệm vụ về tư vấn pháp luật cho nông dân, tổ chức hội nghị, tuyên truyền phổ biến nghề nông của Hội Nông dân | Hội Nông dân          | QĐ 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014                             | 1280    | 320      | 320  | 320  | 320  | Phụ lục 8 |

Ghi chú: Một số nhiệm vụ, đề án Trung ương chưa phê duyệt, năm 2018 đề nghị các đơn vị sử dụng kinh phí chi thường xuyên để thi

**Phụ lục 01:**  
**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐỀ ÁN "ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC PBGDPL VÀ TUYÊN TRUYỀN**  
**VẬN ĐỘNG ĐỒNG BẢO VÙNG DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2017 - 2021" TỈNH THANH HÓA**

**Đơn vị thực hiện: Ban Dân tộc**  
(Kèm theo Quyết định số 4115 /QĐ-UBND ngày 30 /10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

| TT       | Nội dung / Đơn vị thực hiện                                                                                                                                    | Dự toán thẩm định, phê duyệt                              |           |                          |          |          |          |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|----------|----------|----------|
|          |                                                                                                                                                                | Cơ sở tính                                                | Tổng cộng | Trong đó phân ra các năm |          |          |          |
|          |                                                                                                                                                                |                                                           |           | Năm 2018                 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
|          | <b>Tổng cộng:</b>                                                                                                                                              |                                                           | 1.509.970 | 406.590                  | 291.860  | 426.130  | 385.390  |
| <b>A</b> | <b>Nội dung do Ban Dân tộc đảm nhiệm</b>                                                                                                                       |                                                           | 1.509.970 | 406.590                  | 291.860  | 426.130  | 385.390  |
| <b>1</b> | <b>Tổ chức biên soạn tài liệu, xây dựng các sản phẩm truyền thông</b>                                                                                          |                                                           | 427.500   | 67.500                   | 180.000  | 180.000  | 0        |
|          | In tờ rơi, tờ gấp cấp cho 225 xã, thị trấn                                                                                                                     |                                                           | 0         |                          |          |          |          |
|          | In ấn phát hành sổ tay tuyên truyền cho 225 xã, thị trấn                                                                                                       | 225 xã x 30 cuốn/xã x 30.000 đồng/ cuốn                   | 202.500   | 67.500                   | 67.500   | 67.500   |          |
|          | In áp phích cấp cho 225 xã, thị trấn                                                                                                                           | 225 xã x 50 tờ/xã x 20.000 đồng/tờ                        | 225.000   |                          | 112.500  | 112.500  |          |
| <b>2</b> | <b>Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao kỹ năng tuyên truyền cho đội ngũ báo cáo viên cấp huyện và cán bộ làm công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện</b> |                                                           | 111.960   | 55.980                   |          | 55.980   | 0        |
|          | Báo cáo viên                                                                                                                                                   | 500.000 đồng/buổi x 10 buổi x 1 lớp/năm x 2 năm           | 10.000    | 5.000                    |          | 5.000    |          |
|          | Biên soạn tài liệu                                                                                                                                             |                                                           | 0         |                          |          |          |          |
|          | Tài liệu hội nghị                                                                                                                                              | 70.000 đồng/bộ x 82 bộ x 1 lớp/năm x 2 năm                | 11.480    | 5.740                    |          | 5.740    |          |
|          | Văn phòng phẩm                                                                                                                                                 |                                                           | 0         |                          |          |          |          |
|          | Nước uống                                                                                                                                                      | 40.000 đồng/người x 82 người x 3 ngày x 1 lớp/năm x 2 năm | 19.680    | 9.840                    |          | 9.840    |          |
|          | Hỗ trợ đi lại cho học viên                                                                                                                                     | 50.000 đồng/người x 82 người x 1 lớp/năm x 2 năm          | 8.200     | 4.100                    |          | 4.100    |          |

*ĐTM*

| TT  | Nội dung / Đơn vị thực hiện                                                                                                  | Dự toán thẩm định, phê duyệt                                            |           |                          |          |          |          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|----------|----------|----------|
|     |                                                                                                                              | Cơ sở tính                                                              | Tổng cộng | Trong đó phân ra các năm |          |          |          |
|     |                                                                                                                              |                                                                         |           | Năm 2018                 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
|     | Hỗ trợ tiền ăn                                                                                                               | 50.000 đồng/người/ngày x 3 ngày x 82 người x 2 năm                      | 24.600    | 12.300                   |          | 12.300   |          |
|     | Tiền thuê hội trường, tăng âm, loa đài ...                                                                                   | 5 ngày/HN x 3.000.000 đồng/ngày x 2 lớp                                 | 30.000    | 15.000                   |          | 15.000   |          |
|     | Tiền làm ma kết                                                                                                              | 1.000.000 đồng/maket x 2 năm                                            | 2.000     | 1.000                    |          | 1.000    |          |
|     | Chi BQL lớp học, chi khác                                                                                                    | 3.000.000 đ/ lớp x 2 năm                                                | 6.000     | 3.000                    |          | 3.000    |          |
| 3   | Hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động cho đồng bào 16 xã biên giới thuộc 5 huyện ML, QH, QS, LC, TX | 05 lớp / 05 huyện /16 xã / 159 bản/ 564 đại biểu<br>( Mỗi lớp 03 ngày ) | 606.960   | 236.110                  | 64.860   | 143.150  | 162.840  |
| 3.1 | Hội nghị tại huyện Mường Lát                                                                                                 | 07 xã biên giới/ 77 bản/ 231 đại biểu                                   | 236.110   | 236.110                  | 0        |          | 0        |
|     | Báo cáo viên                                                                                                                 | 500.000 đồng/buổi x 6 buổi x                                            | 3.000     | 3.000                    |          |          |          |
|     | Biên soạn tài liệu                                                                                                           | 5.000.000 đ/ lớp / năm                                                  | 5.000     | 5.000                    |          |          |          |
|     | Tài liệu hội nghị                                                                                                            | 30.000 đồng/bộ x 235 bộ                                                 | 7.050     | 7.050                    |          |          |          |
|     | Văn phòng phẩm                                                                                                               | 25.000 đồng/bộ x 231 bộ                                                 | 0         |                          |          |          |          |
|     | Nước uống                                                                                                                    | 40.000 đồng/người x 235 người x 3 ngày                                  | 28.200    | 28.200                   |          |          |          |
|     | Hỗ trợ đi lại cho học viên                                                                                                   | 200.000 đồng/người x 231 người                                          | 46.200    | 46.200                   |          |          |          |
|     | Hỗ trợ tiền ăn                                                                                                               | 100.000 đồng/người/ngày x 3 ngày x 231 người                            | 69.300    | 69.300                   |          |          |          |
|     | Hỗ trợ tiền ngủ                                                                                                              | 100.000 đồng/người/đêm x 2 đêm x 231 người                              | 46.200    | 46.200                   |          |          |          |
|     | Tiền thuê hội trường                                                                                                         | 3 ngày/HN x 2.000.000 đồng/ngày                                         | 6.000     | 6.000                    |          |          |          |
|     | Tiền làm ma kết                                                                                                              | 1000.000 đồng/maket                                                     | 1.000     | 1.000                    |          |          |          |
|     | PC lưu trú BTC                                                                                                               | 5 người x 200.000 đồng/người/ngày x 4 ngày                              | 4.000     | 4.000                    |          |          |          |
|     | Tiền ngủ BTC                                                                                                                 | 5 người x 300.000 đồng/người/ngày x 5 đêm                               | 7.500     | 7.500                    |          |          |          |
|     | Xăng xe                                                                                                                      | 700 km x 20lít/ 100km x 18.000đồng/lít                                  | 2.660     | 2.660                    |          |          |          |
|     | Chi khác ( khai giảng, bế giảng ... )                                                                                        |                                                                         | 10.000    | 10.000                   |          |          |          |

| TT  | Nội dung / Đơn vị thụ hưởng           | Dự toán thẩm định, phê duyệt                 |           |                          |          |          |          |
|-----|---------------------------------------|----------------------------------------------|-----------|--------------------------|----------|----------|----------|
|     |                                       | Cơ sở tính                                   | Tổng cộng | Trong đó phân ra các năm |          |          |          |
|     |                                       |                                              |           | Năm 2018                 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
| 3.2 | Hội nghị tại huyện Quan Hóa           | 01 xã biên giới/ 07 bản / 42 đại biểu        | 64.860    | 0                        | 64.860   | 0        | 0        |
|     | Báo cáo viên                          | 500.000 đồng/buổi x 6 buổi                   | 3.000     |                          | 3.000    |          |          |
|     | Biên soạn tài liệu                    | 5.000.000 đ/ lớp / năm                       | 0         |                          |          |          |          |
|     | Tài liệu hội nghị                     | 30.000 đồng/bộ x 42 bộ                       | 1.260     |                          | 1.260    |          |          |
|     | Văn phòng phẩm                        | 25.000 đồng/bộ x 42 bộ                       | 0         |                          |          |          |          |
|     | Nước uống                             | 40.000 đồng/người x 42 người x x 3 ngày      | 5.040     |                          | 5.040    |          |          |
|     | Hỗ trợ đi lại cho học viên            | 200.000 đồng/người x 42 người                | 8.400     |                          | 8.400    |          |          |
|     | Hỗ trợ tiền ăn                        | 100.000 đồng/người/ngày x 3 ngày x 42 người  | 12.600    |                          | 12.600   |          |          |
|     | Hỗ trợ tiền ngủ                       | 100.000 đồng/người/đêm x 2 đêm x 42 người    | 8.400     |                          | 8.400    |          |          |
|     | Tiền thuê hội trường                  | 3 ngày/HN x 2.000.000 đồng/ngày              | 6.000     |                          | 6.000    |          |          |
|     | Tiền làm ma kết                       | 1000.000 đồng/maket                          | 1.000     |                          | 1.000    |          |          |
|     | PC lưu trú BTC                        | 5 người x 200.000 đồng/người/ngày x 4 ngày   | 4.000     |                          | 4.000    |          |          |
|     | Tiền ngủ BTC                          | 5 người x 300.000 đồng/người/ngày x 5 đêm    | 7.500     |                          | 7.500    |          |          |
|     | Xăng xe                               | 700 km x 20lít/ 100km x 19.000đồng/lít       | 2.660     |                          | 2.660    |          |          |
|     | Chi khác ( khai giảng, bế giảng ... ) |                                              | 5.000     |                          | 5.000    |          |          |
| 3.3 | Hội nghị tại huyện Quan Sơn           | 06 xã biên giới/ 53 bản/ 159 đại biểu        | 143.150   | 0                        | 0        | 143.150  | 0        |
|     | Báo cáo viên                          | 500.000 đồng/buổi x 6 buổi                   | 3.000     |                          |          | 3.000    |          |
|     | Biên soạn tài liệu                    | 5.000.000 đ/ lớp / năm                       | 0         |                          |          |          |          |
|     | Tài liệu hội nghị                     | 30.000 đồng/bộ x 159 bộ                      | 4.770     |                          |          | 4.770    |          |
|     | Văn phòng phẩm                        | 25.000 đồng/bộ x 159 bộ                      | 0         |                          |          |          |          |
|     | Nước uống                             | 40.000 đồng/người x 159 người x x 3 ngày     | 19.080    |                          |          | 19.080   |          |
|     | Hỗ trợ đi lại cho học viên            | 200.000 đồng/người x 159 người               | 8.400     |                          |          | 8.400    |          |
|     | Hỗ trợ tiền ăn                        | 100.000 đồng/người/ngày x 3 ngày x 159 người | 47.700    |                          |          | 47.700   |          |
|     | Hỗ trợ tiền ngủ                       | 100.000 đồng/người/đêm x 2 đêm x 159 người   | 31.800    |                          |          | 31.800   |          |

| TT  | Nội dung / Đơn vị thực hiện           | Dự toán thẩm định, phê duyệt                |           |                          |          |          |          |
|-----|---------------------------------------|---------------------------------------------|-----------|--------------------------|----------|----------|----------|
|     |                                       | Cơ sở tính                                  | Tổng cộng | Trong đó phân ra các năm |          |          |          |
|     |                                       |                                             |           | Năm 2018                 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
|     | Tiền thuê hội trường                  | 3 ngày/HN x 2.000.000 đồng/ngày             | 6.000     |                          |          | 6.000    |          |
|     | Tiền làm ma kết                       | 1000.000 đồng/maket                         | 1.000     |                          |          | 1.000    |          |
|     | PC lưu trú BTC                        | 5 người x 200.000 đồng/người/ngày x 4 ngày  | 4.000     |                          |          | 4.000    |          |
|     | Tiền ngủ BTC                          | 5 người x 300.000 đồng/người/ngày x 5 đêm   | 7.500     |                          |          | 7.500    |          |
|     | Xăng xe                               | 500 km x 20lít/ 100km x 19.000đồng/lít      | 1.900     |                          |          | 1.900    |          |
|     | Chi khác ( khai giảng, bế giảng ... ) |                                             | 8.000     |                          |          | 8.000    |          |
| 3.4 | Hội nghị tại huyện Lang Chánh         | 01 xã biên giới/ 13 bàn/ 78 đại biểu        | 95.320    | 0                        | 0        | 0        | 95.320   |
|     | Báo cáo viên                          | 500.000 đồng/buổi x 6 buổi                  | 3.000     |                          |          |          | 3.000    |
|     | Biên soạn tài liệu                    | 5.000.000 đ/ lớp / năm                      | 0         |                          |          |          |          |
|     | Tài liệu hội nghị                     | 30.000 đồng/bộ x 78 bộ                      | 2.340     |                          |          |          | 2.340    |
|     | Văn phòng phẩm                        | 25.000 đồng/bộ x 78 bộ                      | 0         |                          |          |          |          |
|     | Nước uống                             | 40.000 đồng/người x 78 người x x 3 ngày     | 9.360     |                          |          |          | 9.360    |
|     | Hỗ trợ đi lại cho học viên            | 200.000 đồng/người x 78 người               | 15.600    |                          |          |          | 15.600   |
|     | Hỗ trợ tiền ăn                        | 100.000 đồng/người/ngày x 3 ngày x 78 người | 23.400    |                          |          |          | 23.400   |
|     | Hỗ trợ tiền ngủ                       | 100.000 đồng/người/đêm x 2 đêm x 78người    | 15.600    |                          |          |          | 15.600   |
|     | Tiền thuê hội trường                  | 3 ngày/HN x 2.000.000 đồng/ngày             | 6.000     |                          |          |          | 6.000    |
|     | Tiền làm ma kết                       | 1000.000 đồng/maket x                       | 1.000     |                          |          |          | 1.000    |
|     | PC lưu trú BTC                        | 5 người x 200.000 đồng/người/ngày x 4 ngày  | 4.000     |                          |          |          | 4.000    |
|     | Tiền ngủ BTC                          | 5 người x 300.000 đồng/người/ngày x 5 đêm   | 7.500     |                          |          |          | 7.500    |
|     | Xăng xe                               | 400 km x 20lít/ 100km x 19.000đồng/lít      | 1.520     |                          |          |          | 1.520    |
|     | Chi khác ( khai giảng, bế giảng ... ) |                                             | 6.000     |                          |          |          | 6.000    |
| 3.5 | Hội nghị tại huyện Thường Xuân        | 01 xã biên giới/ 09 bàn/ 54 đại biểu        | 67.520    | 0                        | 0        | 0        | 67.520   |
|     | Báo cáo viên                          | 500.000 đồng/buổi x 6 buổi                  | 3.000     |                          |          |          | 3.000    |
|     | Biên soạn tài liệu                    | 5.000.000 đ/ lớp / năm                      | 0         |                          |          |          |          |
|     | Tài liệu hội nghị                     | 30.000 đồng/bộ x 54 bộ                      | 1.620     |                          |          |          | 1.620    |
|     | Văn phòng phẩm                        | 25.000 đồng/bộ x 54 bộ                      | 0         |                          |          |          |          |

| TT | Nội dung / Đơn vị thực hiện                              | Dự toán thẩm định, phê duyệt                |           |                          |          |          |          |
|----|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------|--------------------------|----------|----------|----------|
|    |                                                          | Cơ sở tính                                  | Tổng cộng | Trong đó phân ra các năm |          |          |          |
|    |                                                          |                                             |           | Năm 2018                 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
|    | Nước uống                                                | 40.000 đồng/người x 54 người x x 3 ngày     | 6.480     |                          |          |          | 6.480    |
|    | Hỗ trợ đi lại cho học viên                               | 100.000 đồng/người x 54 người               | 5.400     |                          |          |          | 5.400    |
|    | Hỗ trợ tiền ăn                                           | 100.000 đồng/người/ngày x 3 ngày x 54 người | 16.200    |                          |          |          | 16.200   |
|    | Hỗ trợ tiền ngủ                                          | 100.000 đồng/người/đêm x 2 đêm x 54 người   | 10.800    |                          |          |          | 10.800   |
|    | Tiền thuê hội trường                                     | 3 ngày/HN x 2.000.000 đồng/ngày             | 6.000     |                          |          |          | 6.000    |
|    | Tiền làm ma kết                                          | 1000.000 đồng/maket                         | 1.000     |                          |          |          | 1.000    |
|    | PC lưu trú BTC                                           | 5 người x 200.000 đồng/người/ngày x 4 ngày  | 4.000     |                          |          |          | 4.000    |
|    | Tiền ngủ BTC                                             | 5 người x 300.000 đồng/người/ngày x 5 đêm   | 7.500     |                          |          |          | 7.500    |
|    | Xăng xe                                                  | 400 km x 20lít/ 100km x 19.000đồng/lít      | 1.520     |                          |          |          | 1.520    |
|    | Chi khác ( khai giảng, bế giảng ... )                    |                                             | 4.000     |                          |          |          | 4.000    |
| 4  | Hội nghị tổng kết, tôn vinh điển hình tiên tiến tại tỉnh | 150 đại biểu + 30 lái xe                    | 175.550   |                          |          |          | 175.550  |
|    | Tiền in giấy mời                                         | 170 giấy x 5.000 đ/ cái                     |           |                          |          |          | 850      |
|    | Tài liệu hội nghị                                        | 30.000 đồng/bộ x 150 bộ                     |           |                          |          |          | 4.500    |
|    | Nước uống                                                | 40.000 đồng/người x 180 người               |           |                          |          |          | 7.200    |
|    | Hỗ trợ đi lại cho đại biểu không hưởng lương             | 200.000 đồng/người x 30 người x 2 lượt      |           |                          |          |          | 12.000   |
|    | Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương            | 200.000 đồng/người/ngày x 3 ngày x 30 người |           |                          |          |          | 18.000   |
|    | Hỗ trợ tiền ngủ cho đại biểu không hưởng lương           | 350.000 đồng/người/đêm x 2 đêm x 30 người   |           |                          |          |          | 21.000   |
|    | Chi hỗ trợ đại biểu dự hội nghị                          | 150 người x 200.000 đ/ người                |           |                          |          |          |          |
|    | Tiền thuê hội trường, trang trí                          |                                             |           |                          |          |          | 10.000   |
|    | Tiền làm ma kết                                          | 2000.000 đồng/maket                         |           |                          |          |          | 2.000    |
|    | Tiền quà đại biểu dự hội nghị                            | 150 người x 300.000 đ/ người                |           |                          |          |          | 45.000   |
|    | Chi bữa cơm thân tổng kết HN                             | 180 người x 250.000 đ/ người                |           |                          |          |          | 45.000   |
|    | Chi công tác thi đua khen thưởng                         | 50 đại biểu x 1.300.000 đ/ người            |           |                          |          |          |          |
|    | Chi khác                                                 |                                             |           |                          |          |          | 10.000   |

| TT | Nội dung / Đơn vị thực hiện                                 | Dự toán thẩm định, phê duyệt                              |           |                          |          |          |          |
|----|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|----------|----------|----------|
|    |                                                             | Cơ sở tính                                                | Tổng cộng | Trong đó phân ra các năm |          |          |          |
|    |                                                             |                                                           |           | Năm 2018                 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
| 5  | Kinh phí Tuyên truyền                                       |                                                           | 108.000   | 27.000                   | 27.000   | 27.000   | 27.000   |
|    | Tuyên truyền trên đài PTTH tỉnh                             | 10.000.000 đồng/lần x 2 lần/năm x 4 năm                   | 80.000    | 20.000                   | 20.000   | 20.000   | 20.000   |
|    | Tuyên truyền trên báo in                                    | 1.000.000 đồng/lần x 4 lần/năm x 4 năm                    | 16.000    | 4.000                    | 4.000    | 4.000    | 4.000    |
|    | Hỗ trợ Tuyên truyền trên Cổng Thông tin điện tử Ban Dân tộc | 10.000.000 đồng/ năm x 4 năm (Năm 2018, 2019, 2020, 2021) | 12.000    | 3.000                    | 3.000    | 3.000    | 3.000    |
| 6  | Kinh phí chỉ đạo thực hiện KH                               |                                                           | 80.000    | 20.000                   | 20.000   | 20.000   | 20.000   |
|    | Ban Dân tộc tỉnh                                            |                                                           | 80.000    | 20.000                   | 20.000   | 20.000   | 20.000   |
|    |                                                             |                                                           |           |                          |          |          |          |

*[Signature]*

Phụ lục 02:

KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN, PBPL CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP ĐẾN NĂM 2021

Đơn vị thực hiện: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

(Kèm theo Quyết định số: 4145/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Kinh phí thực hiện bình quân một năm: 300,0 triệu đồng.

Đơn vị: Đồng

| STT | Nội dung chi                                                                                                                                                                                  | ĐVT   | Dự toán thẩm định, phê duyệt |                    |            |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------|--------------------|------------|-------------|
|     |                                                                                                                                                                                               |       | Số lượng                     | Số ngày, lớp, buổi | Định mức   | Thành tiền  |
|     | <b>Tổng số:</b>                                                                                                                                                                               |       |                              |                    |            | 299.875.000 |
|     | <b>Làm tròn số:</b>                                                                                                                                                                           |       |                              |                    |            | 300.000.000 |
| 1   | Biên soạn, in, phát hành tờ rơi tuyên truyền BLLĐ, Luật BHXH và các văn bản hướng dẫn thi hành.                                                                                               | tờ    | 20.000                       |                    | 3.000      | 60.000.000  |
| 2   | Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên cấp tỉnh, cấp huyện.                                                                                                          | lớp   | 2                            |                    | 14.625.000 | 29.250.000  |
|     | Chi phí 1 cuộc                                                                                                                                                                                |       |                              |                    |            | 14.625.000  |
|     | - Báo cáo viên                                                                                                                                                                                | người | 1                            | 2                  | 500.000    | 1.000.000   |
|     | - Hội trường, trang trí                                                                                                                                                                       | ngày  | 1                            | 2                  | 2.000.000  | 4.000.000   |
|     | - Makét                                                                                                                                                                                       | cái   | 1                            | 1                  | 500.000    | 500.000     |
|     | - Nước uống                                                                                                                                                                                   | người | 65                           | 2                  | 40.000     | 5.200.000   |
|     | - Tài liệu                                                                                                                                                                                    | người | 65                           | 1                  | 25.000     | 1.625.000   |
|     | - Văn phòng phẩm                                                                                                                                                                              | người | 65                           | 1                  | 20.000     | 1.300.000   |
|     | - Chi phí quản lý                                                                                                                                                                             |       |                              |                    |            | 1.000.000   |
| 3   | Tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên tại các doanh nghiệp.                                                                                      | lớp   | 2                            |                    | 27.750.000 | 55.500.000  |
|     | Chi phí 1 cuộc                                                                                                                                                                                |       |                              |                    |            | 27.750.000  |
|     | - Báo cáo viên                                                                                                                                                                                | người | 1                            | 2                  | 500.000    | 1.000.000   |
|     | - Hội trường, trang trí                                                                                                                                                                       | ngày  | 1                            | 2                  | 2.000.000  | 4.000.000   |
|     | - Makét                                                                                                                                                                                       | cái   | 1                            | 1                  | 500.000    | 500.000     |
|     | - Nước uống                                                                                                                                                                                   | người | 50                           | 2                  | 40.000     | 4.000.000   |
|     | - Chế độ đại biểu                                                                                                                                                                             | người | 50                           | 2                  | 150.000    | 15.000.000  |
|     | - Tài liệu                                                                                                                                                                                    | người | 50                           | 1                  | 25.000     | 1.250.000   |
|     | - Văn phòng phẩm                                                                                                                                                                              | người | 50                           | 1                  | 20.000     | 1.000.000   |
|     | - Chi phí quản lý                                                                                                                                                                             |       |                              |                    |            | 1.000.000   |
| 4   | Tập huấn, hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật lao động, nghiệp vụ xây dựng thang bảng lương, nội quy lao động, TULĐ cho cán bộ làm công tác lao động, tiền lương, BHXH các doanh nghiệp | lớp   | 2                            |                    | 32.000.000 | 64.000.000  |
|     | Chi phí 1 cuộc                                                                                                                                                                                |       |                              |                    |            | 32.000.000  |
|     | - Báo cáo viên                                                                                                                                                                                | người | 1                            | 2                  | 500.000    | 1.000.000   |
|     | - Hội trường, trang trí                                                                                                                                                                       | ngày  | 1                            | 2                  | 2.000.000  | 4.000.000   |
|     | - Makét                                                                                                                                                                                       | cái   | 1                            | 1                  | 500.000    | 500.000     |
|     | - Nước uống                                                                                                                                                                                   | người | 60                           | 2                  | 40.000     | 4.800.000   |
|     | - Chế độ đại biểu                                                                                                                                                                             | người | 60                           | 2                  | 150.000    | 18.000.000  |

| STT | Nội dung chi                                                                                                                       | ĐVT   | Dự toán thẩm định, phê duyệt |                    |            |            |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------|--------------------|------------|------------|
|     |                                                                                                                                    |       | Số lượng                     | Số ngày, lớp, buổi | Định mức   | Thành tiền |
| 5   | - Tài liệu                                                                                                                         | người | 60                           | 1                  | 25.000     | 1.500.000  |
|     | - Văn phòng phẩm                                                                                                                   | người | 60                           | 1                  | 20.000     | 1.200.000  |
|     | - Chi phí quản lý                                                                                                                  |       |                              |                    |            | 1.000.000  |
|     | Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp.                                                   | lớp   | 2                            |                    | 27.750.000 | 55.500.000 |
|     | Chi phí 1 cuộc                                                                                                                     |       |                              |                    |            | 27.750.000 |
|     | - Báo cáo viên                                                                                                                     | người | 1                            | 2                  | 500.000    | 1.000.000  |
|     | - Hội trường, trang trí                                                                                                            | ngày  | 1                            | 2                  | 2.000.000  | 4.000.000  |
|     | - Makét                                                                                                                            | cái   | 1                            | 1                  | 500.000    | 500.000    |
|     | - Nước uống                                                                                                                        | người | 50                           | 2                  | 40.000     | 4.000.000  |
|     | - Chế độ đại biểu                                                                                                                  | người | 50                           | 2                  | 150.000    | 15.000.000 |
|     | - Tài liệu                                                                                                                         | người | 50                           | 1                  | 25.000     | 1.250.000  |
|     | - Văn phòng phẩm                                                                                                                   | người | 50                           | 1                  | 20.000     | 1.000.000  |
|     | - Chi phí quản lý                                                                                                                  |       |                              |                    |            | 1.000.000  |
|     | Tập huấn, hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật lao động cho đội ngũ cán bộ làm công tác lao động, tiền lương, BHXH cấp huyện. | lớp   | 1                            |                    |            | 8.675.000  |
| 6   | - Báo cáo viên                                                                                                                     | người | 1                            | 1                  | 500.000    | 500.000    |
|     | - Hội trường, trang trí                                                                                                            | ngày  | 1                            | 1                  | 2.000.000  | 2.000.000  |
|     | - Makét                                                                                                                            | cái   | 1                            | 1                  | 500.000    | 500.000    |
|     | - Nước uống                                                                                                                        | người | 55                           | 1                  | 40.000     | 2.200.000  |
|     | - Tài liệu                                                                                                                         | người | 55                           | 1                  | 25.000     | 1.375.000  |
|     | - Văn phòng phẩm                                                                                                                   | người | 55                           | 1                  | 20.000     | 1.100.000  |
|     | - Chi phí quản lý                                                                                                                  |       |                              |                    | 1.000.000  | 1.000.000  |
|     | Hội nghị triển khai thực hiện Đề án và Hội nghị sơ kết 01 năm thực hiện Đề án                                                      | HN    |                              |                    |            | 6.950.000  |
|     | Chi tiết 01 hội nghị:                                                                                                              |       |                              |                    |            |            |
|     | - Trang trí, khánh tiết, ma kết hội trường                                                                                         | ngày  | 1                            | 1                  | 500.000    | 500.000    |
|     | - Chi nước uống cho đại biểu                                                                                                       | cái   | 30                           | 1                  | 40.000     | 1.200.000  |
|     | - Văn phòng phẩm, tài liệu                                                                                                         | người | 30                           | 1                  | 35.000     | 1.050.000  |
|     | - Thù lao người chủ trì HN                                                                                                         | người | 1                            | 1                  |            | -          |
|     | - Thù lao thư ký HN                                                                                                                | người | 1                            | 1                  |            | -          |
|     | - Thù lao đại biểu                                                                                                                 | người | 28                           | 1                  | 150.000    | 4.200.000  |
| 8   | Chi công tác kiểm tra, hướng dẫn tình hình thực hiện pháp luật lao động tại 30 DN (xăng xe, công tác phí, ....)                    |       |                              |                    |            | 10.000.000 |
| 9   | Tham dự Hội nghị do Trung Ương tổ chức                                                                                             |       |                              |                    |            | 10.000.000 |
| 10  | Chi quản lý (Xăng xe, công tác phí, văn phòng phẩm...)                                                                             |       |                              |                    |            |            |

## Phụ lục 02:

Tuyên truyền, PBPL cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp đến 2021 (Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 7/8/2017 của UBND tỉnh

Đơn vị thực hiện: Liên minh Hợp tác xã

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Kinh phí thực hiện bình quân một năm: 297,0 triệu đồng.

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Nội dung                                                                                            | Dự toán thẩm định, phê duyệt       |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------|
|     |                                                                                                     | Cơ sở tính                         | Thành tiền  |
|     | <b>Tổng cộng:</b>                                                                                   |                                    | 296.680.000 |
|     | <b>Làm tròn số:</b>                                                                                 |                                    | 297.000.000 |
| 1   | Tổ chức tập huấn cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở (cán bộ chủ chốt các Hợp tác xã) | Kinh phí 03 lớp                    | 92.160.000  |
|     | Kinh phí 1 lớp                                                                                      |                                    | 30.720.000  |
|     | Thuê hội trường + maket                                                                             | 1.500.000đ/ngày x 02 ngày          | 3.000.000   |
|     | Hỗ trợ tiền ăn cho học viên                                                                         | 75.000đ/ngày x 02 ngày x 50 người  | 7.500.000   |
|     | Hỗ trợ tiền ăn xăng xe đi + về cho học viên                                                         | 100.000đ/ngày x 02 ngày x 50 người | 10.000.000  |
|     | Chè, nước cho học viên                                                                              | 10.000đ/ngày x 02 ngày x 50 người  | 1.000.000   |
|     | Chè, nước cho giảng viên viên                                                                       | 10.000đ/ngày x 02 ngày             | 20.000      |
|     | Chi tiền ăn cho giảng viên                                                                          | 150.000đ/ngày x 02 ngày            | 300.000     |
|     | Chi cho phòng nghỉ cho giảng viên                                                                   | 150.000 đ/dêm x 01 dêm             | 150.000     |
|     | Tiền thù lao giảng viên                                                                             | 500.000đ/ngày x 02 ngày            | 1.000.000   |
|     | Chi biên soạn giáo trình cho GV                                                                     | 25.000đ/trang x 80 trang           | 2.000.000   |
|     | Tài liệu học tập cho học viên                                                                       | 30.000đ/người x 50 người           | 1.500.000   |
|     | Chi văn phòng phẩm cho học viên                                                                     | 35.000đ/người x 50 người           | 1.750.000   |
|     | Chi khai giảng, bế giảng, chi quản lý                                                               |                                    | 2.500.000   |
| 2   | Tập huấn tuyên truyền cho cán bộ, thành viên, người lao động tại các HTX                            | Kinh phí 6 lớp                     | 184.320.000 |
|     | Kinh phí 1 lớp                                                                                      |                                    | 30.720.000  |
|     | Thuê hội trường + maket                                                                             | 1.500.000đ/ngày x 02 ngày          | 3.000.000   |
|     | Hỗ trợ tiền ăn cho học viên                                                                         | 75.000đ/ngày x 02 ngày x 50 người  | 7.500.000   |
|     | Hỗ trợ tiền ăn xăng xe đi + về cho học viên                                                         | 100.000đ/ngày x 02 ngày x 50 người | 10.000.000  |
|     | Chè, nước cho học viên                                                                              | 10.000đ/ngày x 02 ngày x 50 người  | 1.000.000   |
|     | Chè, nước cho giảng viên viên                                                                       | 10.000đ/ngày x 02 ngày             | 20.000      |

| STT | Nội dung                                                 | Dự toán thẩm định, phê duyệt         |            |
|-----|----------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------|
|     |                                                          | Cơ sở tính                           | Thành tiền |
|     | Chi tiền ăn cho giảng viên                               | 150.000đ/ngày x 02 ngày              | 300.000    |
|     | Chi cho phòng nghỉ cho giảng viên                        | 150.000 đ/dêm x 01 dêm               | 150.000    |
|     | Tiền thù lao giảng viên                                  | 500.000đ/ngày x 02 ngày              | 1.000.000  |
|     | Chi biên soạn giáo trình cho GV.                         | 25.000đ/trang x 80 trang             | 2.000.000  |
|     | Tài liệu học tập cho học viên                            | 30.000đ/người x 50 người             | 1.500.000  |
|     | Chi văn phòng phẩm cho học viên                          | 35.000đ/người x 50 người             | 1.750.000  |
|     | Chi khai giảng, bế giảng, chi quản lý                    |                                      | 2.500.000  |
| 3   | Tuyên truyền bằng hình thức in phát tờ gấp               | 2.000 tờ/năm x 10.000 đ/tờ           |            |
| 4   | Tổ chức sơ kết, tổng kết hàng năm thực hiện Tiểu Đề án 5 |                                      | 20.200.000 |
|     | Thuê hội trường + maket + loa đài                        | 1.500.000đ/ngày x 01 ngày            | 1.500.000  |
|     | Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu                              | 75.000 đ/người x 100 người x 01 ngày | 7.500.000  |
|     | Hỗ trợ xăng xe đi và về                                  | 80 người x 100.000 đ/người x 01 ngày | 8.000.000  |
|     | Tiền tài liệu                                            | 100 người x 10.000 đ/người           | 1.000.000  |
|     | Nước uống                                                | 100 người x 10.000 đ/người x 01 ngày | 1.000.000  |
|     | Chi khác                                                 |                                      | 1.200.000  |

*Handwritten signature*

Phụ lục 04:

Tuyên truyền, PBPL cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp đến 2021 (Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 7/8/2017 của UBND tỉnh

Đơn vị thực hiện: Liên đoàn Lao động tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Kinh phí thực hiện bình quân một năm: 300,0 triệu đồng

Đơn vị: Đồng

| TT | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Dự toán thẩm định, phê duyệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                 |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Thành tiền                                                                                                                                                      |
|    | <b>Tổng cộng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 299.250.000                                                                                                                                                     |
|    | <b>Làm tròn số:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 300.000.000                                                                                                                                                     |
| 1  | <b>Biên soạn tài liệu:</b><br><br>- Tài liệu 1: Giải đáp các tình huống pháp luật lao động về quyền, nghĩa vụ của người lao động; hợp đồng lao động; nội quy lao động, kỷ luật lao động; tranh chấp lao động và đin h công;<br><br>- Tài liệu 2: Giải đáp các tình huống pháp luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; công tác an toàn, vệ sinh lao động và chính sách đối với lao động nữ;<br><br>- Tài liệu 3: Giải đáp các tình huống pháp luật Công đoàn về chức năng, nhiệm vụ của Công đoàn; quyền, trách nhiệm của đoàn viên Công đoàn;<br><br>- Tài liệu 4: Giải đáp các tình huống pháp luật Bảo hiểm xã hội về quyền, nghĩa vụ của người tham gia BHXH; chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động;<br><br>- Tài liệu 5: Giải đáp các tình huống pháp luật việc làm về quyền, nghĩa vụ của người tham gia BHTN; Trình tự, thủ tục giải quyết chế độ BHTN. | 7.500 cuốn<br><br>Mỗi tài liệu biên soạn 50 tình huống, với số lượng in 12.500 cuốn/5 tài liệu. Kinh phí: 36.000.000đ/tài liệu.<br>Trong đó:<br>+ <i>Biên soạn xây dựng tình huống, thẩm định: 50 tình huống/tài liệu x 100.000đ/ tình huống x 5 tài liệu = 25.000.000đ.</i><br>+ <i>Chi phí in: 10.000đ/cuốn x 1.500 cuốn/tài liệu x 5 tài liệu = 56.250.000đ.</i><br>+ <i>Khô in 10 x 14,5 cm, 60 trang cả bìa. Bìa giấy cuche in 4 màu, cán màng PU.</i> | 100.000.000<br><br>100.000.000                                                                                                                                  |
| 2  | <b>Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nòng cốt làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động</b><br><br>- <i>Nhóm 1: Cán bộ LĐLĐ tỉnh, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở: 01 ngày/lớp, mỗi lớp 50 người, tổ chức 02 lớp:</i><br>+ <i>Bồi dưỡng giảng viên</i><br>+ <i>Hội trường</i><br>+ <i>Ma kết</i><br>+ <i>Tài liệu tập huấn</i><br>+ <i>Thuê máy chiếu</i><br>+ <i>Nước uống</i><br>+ <i>Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu</i><br><br>- <i>Nhóm 2: Cán bộ công đoàn cơ sở và cộng tác viên làm công tác tuyên truyền tại các khu nhà trọ, khu dân cư nơi có nhiều công nhân ở: 10 lớp, 01 ngày/lớp, mỗi lớp 35 người</i><br>+ <i>Bồi dưỡng giảng viên</i><br>+ <i>Hội trường</i><br>+ <i>Ma kết</i><br>+ <i>Tài liệu</i><br>+ <i>Thuê máy chiếu</i>                                                                                                                                | 4 người*02 lớp*500.000/buổi<br>02 lớp*2.500.000đ/ngày<br>2cái*500.000đ/cái<br>100 bộ*5.000đ/bộ<br>01 máy*02 lớp*400.000đ<br>15.000đ/người*50 người/lớp*02lớp<br>100.000đ/người*100 người/2lớp<br><br>2 người*10 lớp*500.000/buổi<br>10 lớp*2.500.000đ/ngày<br>10 cái*500.000đ/cái<br>350bộ*5.000đ/bộ<br>01 máy*10 lớp*400.000đ                                                                                                                              | 57.250.000<br><br>12.000.000<br>4.000.000<br>5.000.000<br>1.000.000<br>500.000<br>1.500.000<br>45.250.000<br>10.000.000<br>25.000.000<br>5.000.000<br>1.750.000 |

| TT | NỘI DUNG                                                                                                                      | Dự toán thẩm định, phê duyệt                                                                                                                                    |             |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|    |                                                                                                                               | Số lượng                                                                                                                                                        | Thành tiền  |
| 3  | + Nước uống                                                                                                                   | 10.000đ/người*35người/lớp*10lớp                                                                                                                                 | 3.500.000   |
|    | + Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách                                                       | 100.000đ/người*35người/lớp*10lớp                                                                                                                                |             |
|    | Tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động tại các doanh nghiệp                                                                |                                                                                                                                                                 | 142.000.000 |
|    | 3.1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động phương tiện thông tin đại chúng                                                |                                                                                                                                                                 | 28.500.000  |
|    | - Báo Thanh Hoá                                                                                                               | 01 kỳ/tháng x 12 tháng x 500.000đ/kỳ                                                                                                                            | 6.000.000   |
|    | - Đài PTTH Thanh Hóa                                                                                                          | 1.000.000/tháng x 12 tháng                                                                                                                                      | 12.000.000  |
|    | - Bàn tin Lao động CĐ Thanh Hóa                                                                                               | + Nhuận bút, biên tập, thẩm định:<br>5 bài/số*6số*300.000đ/bài =<br>9.000.000 đ<br>+ Ảnh tài liệu:<br>5 ảnh/số*6số*50.000đ/số =<br>1.500.000đ                   | 10.500.000  |
|    | 3.2. Tư vấn pháp luật cho người lao động tại các doanh nghiệp và các khu nhà trọ, khu dân cư nơi ở của công nhân vào buổi tối |                                                                                                                                                                 | 86.000.000  |
|    | - Tư vấn pháp luật cho người lao động tại các doanh nghiệp:                                                                   | + Thù lao cho Tư vấn viên pháp luật lưu động: 02 ng/buổi*100.000đ/b/ng*40 buổi= 8.000.000đ.                                                                     | 8.000.000   |
|    | - Tư vấn, hỗ trợ pháp luật cho người lao động tại các khu nhà trọ, khu dân cư nơi ở của công nhân:                            | + Thù lao cho Tư vấn viên: 05 người/buổi tối*200.000đ/người/buổi tối*60 buổi tối = 45.000.000đ.<br>+ Chi phí điện sáng:<br>100.000đ/buổi*60 buổi = 18.000.000đ. | 78.000.000  |
| 4  | 3.5. Xây dựng pa nô                                                                                                           | 50 pa nô x 834.000                                                                                                                                              | 27.500.000  |
|    | + Biên soạn nội dung                                                                                                          | 50 pa nô x 50.000đ/nội dung                                                                                                                                     | 2.500.000   |
|    | + Làm pa nô 1.2mx1.5m(khung sắt, in bạt)                                                                                      | 500.000đ/cái x 50/cái                                                                                                                                           | 25.000.000  |
|    | + Vận chuyển, lắp đặt                                                                                                         | 50 cái x 100.000đ/cái                                                                                                                                           |             |
|    | Quản lý và văn phòng phẩm                                                                                                     |                                                                                                                                                                 |             |
|    | Quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn                                                                                                   | 10 người x 100.000đ/người/tháng/12 tháng                                                                                                                        |             |
|    | Văn phòng phẩm                                                                                                                | 10 người x 100.000đ/người/tháng/12 tháng                                                                                                                        |             |

# KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2021

Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp

(Kèm theo Quyết định số: 4115/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Kinh phí thực hiện một năm: 1.678,0 triệu đồng

Đơn vị: Đồng

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                   | Dự toán thẩm định, phê duyệt                    |               |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------|
|     |                                                                                                                                                                            | Cơ sở tính                                      | Thành tiền    |
|     | Tổng số:                                                                                                                                                                   | -                                               | 1.678.470.000 |
|     | Làm tròn số:                                                                                                                                                               |                                                 | 1.678.000.000 |
| A   | Kinh phí thực hiện đề án "Tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật giai đoạn 2012-2016" năm 2017                 |                                                 | 440.800.000   |
| I   | Chỉ khảo sát                                                                                                                                                               |                                                 | -             |
| 1   | Xây dựng, ban hành kế hoạch                                                                                                                                                | 2.000.000đ/kế hoạch x 1 kế hoạch                |               |
| 2   | Khảo sát, đánh giá thực trạng nhu cầu, mô hình PBGDPL có hiệu quả tại địa bàn trọng điểm: (triển khai tại 3 huyện Quan Sơn, Tĩnh Gia, Thọ Xuân; mỗi huyện 2 xã)            |                                                 |               |
|     | Chi xây dựng phương án khảo sát                                                                                                                                            | 2.000.000đ/đề cương x 01 đề cương               |               |
|     | Chi Lập mẫu phiếu khảo sát (Lập 3 mẫu, mỗi mẫu 30 chi tiêu cho 3 nhóm đối tượng)                                                                                           | 750.000đ/mẫu x 03 mẫu                           |               |
|     | Chi in phát phiếu khảo sát                                                                                                                                                 | 5.000 đ/phiếu x 900 phiếu                       |               |
|     | Chi công tác phí cho người tham gia điều tra, phúc tra, kiểm tra.                                                                                                          | 120.000đ/người x 4 người x 4 ngày               |               |
|     | Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra                                                                                                               | 30.000đ/phiếu x 900 phiếu                       |               |
|     | Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra                                                                                                                                          | 5.000.000đ/báo cáo x 1 báo cáo                  |               |
| II  | Tổ chức hội nghị tập huấn pháp luật cho cán bộ công chức làm công tác PBGDPL, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại địa bàn trọng điểm (3 lớp/năm, mỗi lớp 2 ngày) |                                                 | 117.000.000   |
| 1   | Hội trường                                                                                                                                                                 | 2.000.000đ/hội trường/ngày x 2 ngày x 3 lớp     | 12.000.000    |
| 2   | Thù lao báo cáo viên                                                                                                                                                       | 1.000.000đ/ngày x 2 ngày x 3 lớp                | 6.000.000     |
| 3   | Chi nước uống, giải khát giữa giờ                                                                                                                                          | 30.000đ/ngày/người x 2 ngày x 200 người x 3 lớp | 36.000.000    |
| 4   | Hỗ trợ tiền ăn đại biểu                                                                                                                                                    | 150 người x 50.000đ/ngày x 2 ngày x 3 lớp       | 45.000.000    |
| 5   | Tài liệu hội nghị                                                                                                                                                          | 200 bộ x 30.000đ/bộ x 3 lớp                     | 18.000.000    |
| III | Chi tổ chức hội thi trực tuyến cho học sinh trung học phổ thông                                                                                                            |                                                 | 267.800.000   |
| 1   | Chi xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn                                                                                                                       |                                                 | 6.800.000     |
|     | Xây dựng kế hoạch cuộc thi                                                                                                                                                 |                                                 | 3.000.000     |

| STT | Nội dung                                                                                                                                                              | Dự toán thẩm định, phê duyệt               |            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------|
|     |                                                                                                                                                                       | Cơ sở tính                                 | Thành tiền |
|     | Hợp phân công triển khai kế hoạch                                                                                                                                     |                                            | 3.800.000  |
|     | Nước uống:                                                                                                                                                            | 20 người x 30.000đ/người                   | 600.000    |
|     | Đọc tài liệu tham gia ý kiến các ngành về Kế hoạch cuộc thi                                                                                                           | 100.000đ/người x 20 người                  | 2.000.000  |
|     | Chủ trì cuộc họp                                                                                                                                                      |                                            | 200.000    |
|     | Chi photo các tài liệu khác...                                                                                                                                        |                                            | 1.000.000  |
| 2   | Chi tổ chức họp Ban tổ chức, tổ thư ký                                                                                                                                |                                            | 11.200.000 |
|     | Dự kiến tổ chức 02 cuộc họp với tổng kinh phí                                                                                                                         |                                            | 11.200.000 |
|     | Mức chi cho 01 cuộc họp là 5.600.000đ                                                                                                                                 |                                            | 5.600.000  |
|     | Chi tham gia ý kiến cho thành viên ban tổ chức, tổ thư ký                                                                                                             | 100.000đ/người/ngày/01 hội nghị x 30 người | 3.000.000  |
|     | Chi hội trường                                                                                                                                                        |                                            | 2.000.000  |
|     | Chi tài liệu                                                                                                                                                          | 15.000đ/bộ x 20 bộ                         | 300.000    |
|     | Chi nước uống giải khát giữa giữa giờ                                                                                                                                 | 15.000đ/người x 20 người                   | 300.000    |
| 3   | Chi phát động cuộc thi                                                                                                                                                |                                            | 29.000.000 |
|     | Dự kiến số đại biểu mời : 100 người, gồm đại diện UBND tỉnh, Lãnh đạo Sở, ban, ngành, Ban tổ chức cuộc thi; đại diện lãnh đạo và đại diện học sinh của 30 trường THPT |                                            |            |
|     | Chi nước uống                                                                                                                                                         | 10.000đ/người x 100 người                  | 1.000.000  |
|     | Chi loa đài, âm nhạc, văn nghệ                                                                                                                                        |                                            | 10.000.000 |
|     | Chi maket, hoa                                                                                                                                                        |                                            | 5.000.000  |
|     | Chi ча thành viên dự họp                                                                                                                                              | 100.000đ/người x 100 người                 | 10.000.000 |
|     | Chi cờ lưu niệm, hoa                                                                                                                                                  | 100.000đ/đơn vị x 30 đơn vị                |            |
|     | Chi khác                                                                                                                                                              |                                            | 3.000.000  |
| 4   | Tuyên truyền về cuộc thi                                                                                                                                              |                                            | 24.000.000 |
|     | Báo Thanh Hoá                                                                                                                                                         |                                            | 10.000.000 |
|     | Đài truyền hình tỉnh                                                                                                                                                  |                                            | 10.000.000 |
|     | Phát hành 40 bộ tài liệu (tập hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến nội dung thi) cho các trường THPT và thành viên ban tổ chức                                | 100.000đ/bộ x 40 bộ                        | 4.000.000  |
| 5   | Chi hỗ trợ các trường tham gia dự thi                                                                                                                                 |                                            | 60.000.000 |
|     | Kinh phí hỗ trợ cho các trường tổ chức cho các học sinh tham gia dự thi tại điểm trường                                                                               | 2.000.000đ/trường x 30 trường              |            |
| 6   | Chi giải thưởng                                                                                                                                                       |                                            | 88.800.000 |
|     | Giải thưởng cấp trường. Mỗi trường sẽ trao 6 giải gồm (01 giải nhất: 700.000đ, 02 giải nhì: 500.000đ, 03 giải ba: 300.000đ) với tổng số tiền là                       | 2.600.000đ/trường x 30 trường              | 78.000.000 |
|     | Giải thưởng cấp tỉnh                                                                                                                                                  | 01 giải nhất x 3.000.000đ                  | 3.000.000  |
|     |                                                                                                                                                                       | 02 giải nhì x 2.000.000đ/01 giải           | 4.000.000  |
|     |                                                                                                                                                                       | 02 giải ba x 1.000.000đ/01 giải            | 2.000.000  |

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Dự toán thẩm định, phê duyệt                           |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cơ sở tính                                             | Thành tiền  |
| 7   | <b>Chỉ tổng kết cuộc thi</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 03 giải khuyến khích x 600.000đ                        | 1.800.000   |
|     | Hội trường + maket + hoa...                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                        | 48.000.000  |
|     | Văn nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                        | 15.000.000  |
|     | Chi chế độ cho đại biểu dự tổng kết                                                                                                                                                                                                                                                                                | 100 người x 100.000đ/người                             | 10.000.000  |
|     | Chi khác: Làm thêm giờ, văn phòng phẩm, tiếp khách Trung ương, địa phương tổng kết cuộc thi                                                                                                                                                                                                                        |                                                        | 10.000.000  |
|     | Báo cáo kết quả cuộc thi                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                        | 3.000.000   |
|     | <b>IV Biên soạn phát hành tài liệu với kinh phí</b>                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                        | 56.000.000  |
| B   | Tờ gấp pháp luật 27.000 tờ gấp (02 loại lĩnh vực PL)                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                        |             |
|     | Tiền biên soạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1.000.000đ/loại tờ gấp x 2 loại                        | 2.000.000   |
|     | Tiền in                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2.000đ/tờ gấp x 27.000 tờ gấp                          | 54.000.000  |
|     | Kinh phí thực hiện Đề án của Trung ương "Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên" (Quyết định số 1402/QĐ-TTg của thủ tướng chính phủ ngày 17/7/2017 ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn II (2016 – 2020)) |                                                        | 598 170 000 |
|     | <b>I Xây dựng, ban hành kế hoạch</b>                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2.000.000đ/kế hoạch x 1 kế hoạch                       | 2 000 000   |
| II  | <b>Hợp bàn phân công công việc triển khai kế hoạch</b>                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                        |             |
|     | Chủ trì                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 200.000đ/người x 01 người                              |             |
|     | Thành viên dự họp                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 100.000đ/người x 34 người                              |             |
|     | Chi nước uống đại biểu                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 34 người x 15.000đ/người                               |             |
|     | Chi hội trường, ma kết                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2.000.000đ/buổi x 01 buổi                              |             |
| III | Tài liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 20.000đ/bộ x 34 bộ                                     |             |
|     | Khảo sát, đánh giá thực trạng nhu cầu, nội dung, cách thức, mô hình PBGDPL hiệu quả cho thanh thiếu niên                                                                                                                                                                                                           |                                                        | 40 170 000  |
|     | Chi xây dựng phương án khảo sát                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2.000.000đ/đề cương x 01 đề cương                      | 2 000 000   |
|     | Lập mẫu phiếu khảo sát                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 750.000đ/mẫu x 03 mẫu                                  | 2 250 000   |
|     | Chi công tác phí cho người tham gia điều tra, phúc tra, kiểm tra.                                                                                                                                                                                                                                                  | 120.000đ/người x 4 người x 4 ngày                      | 1 920 000   |
| IV  | Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra:                                                                                                                                                                                                                                                      | 30.000đ/phiếu x 900 phiếu                              | 27 000 000  |
|     | Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7.000.000đ/báo cáo x 1 báo cáo                         | 7 000 000   |
|     | Tổ chức hội nghị tập huấn pháp luật cho cán bộ quản lý công tác thanh niên, cán bộ đoàn cơ sở, chi đoàn cơ sở                                                                                                                                                                                                      | 4 lớp/năm, mỗi lớp 2 ngày                              | 267 000 000 |
|     | Hội trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3.000.000đ/hội trường/ngày x 2 ngày x 4 lớp            | 24 000 000  |
|     | Thủ lao báo cáo viên                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1.000.000đ/ngày x 2 ngày x 4 lớp                       | 8 000 000   |
|     | Chi nước uống, giải khát giữa giờ                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 30.000đ/ngày/người x 2 ngày x 300 đại biểu/lớp x 4 lớp | 72 000 000  |
|     | Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 250 người x 50.000đ/ngày x 2 ngày x 4 hội nghị         | 100 000 000 |

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                         | Dự toán thẩm định, phê duyệt             |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------|
|     |                                                                                                                                                                                                  | Cơ sở tính                               | Thành tiền  |
|     | Tài liệu hội nghị                                                                                                                                                                                | 300 bộ x 20.000đ/bộ x 4 hội nghị         | 24 000 000  |
|     | biên soạn.Biên tập, thẩm định tài liệu tập huấn                                                                                                                                                  | 150 trang x 130.000đ/trang               | 19 500 000  |
|     | Biên soạn                                                                                                                                                                                        | 150 trang x 70.000đ/trang                | 10 500 000  |
|     | Biên tập                                                                                                                                                                                         | 150 trang x 25.000đ/trang                | 3 750 000   |
|     | Thẩm định tài liệu tập huấn                                                                                                                                                                      | 150 trang x 35.000đ/trang                | 5 250 000   |
| V   | Biên soạn phát hành tài liệu                                                                                                                                                                     |                                          | 178 000 000 |
|     | Biên soạn phát hành 1 sổ tay pháp luật dành cho thanh niên                                                                                                                                       |                                          |             |
|     | biên soạn.Biên tập, thẩm định tài liệu tập huấn                                                                                                                                                  | 100 trang x 130.000đ/trang               | 13 000 000  |
|     | Biên soạn                                                                                                                                                                                        | 100 trang x 70.000đ/trang                | 7 000 000   |
|     | Biên tập                                                                                                                                                                                         | 100 trang x 25.000đ/trang                | 2 500 000   |
|     | Thẩm định tài liệu tập huấn                                                                                                                                                                      | 100 trang x 35.000đ/trang                | 3 500 000   |
|     | In tài liệu                                                                                                                                                                                      | 5.000 cuốn x 14.000đ/cuốn                | 70 000 000  |
|     | Tờ gấp pháp luật 40.000 tờ gấp:2loại (lĩnh vực pháp luật) x 20.000 tờ/01 loại                                                                                                                    |                                          |             |
|     | Tiền in                                                                                                                                                                                          | 2.000đ/tờ gấp x 40.000 tờ gấp            | 80 000 000  |
|     | Tiền biên soạn                                                                                                                                                                                   | 1.000.000/loại tờ gấp x 3loại            | 2 000 000   |
| VI  | Hỗ trợ xây dựng chuyên mục trên báo về tôn trọng pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của thanh niên (mỗi tháng 2 bài tại chuyên mục)                                                         | 1.000.000/bài x 24 bài/năm               | 24 000 000  |
| VII | Lựa chọn chỉ đạo điểm về tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật cho thanh thiếu niên                                                                                                         |                                          | 87 000 000  |
|     | Tổ chức hội thi tìm hiểu pháp luật                                                                                                                                                               |                                          |             |
|     | Giải thưởng                                                                                                                                                                                      | 20.000.000 đ/10 giải x 1 hội thi         | 40 000 000  |
|     | Thuê hội trường                                                                                                                                                                                  | 2.000.000đ/hội trường x 1 điểm           | 4 000 000   |
|     | Thuê âm nhạc, đạo cụ                                                                                                                                                                             | 10.000.000 đ/màn chiếu x 1màn hình chiếu | 20 000 000  |
|     | Hỗ trợ tiền ăn, tiền ở, luyện tập cho thí sinh                                                                                                                                                   | 1.000.000/người x 10 người               | 1 000 000   |
|     | Đẫn chương trình                                                                                                                                                                                 | 1.000.000đ/điểm x 1 điểm                 | 2 000 000   |
|     | Biên soạn, thẩm định câu hỏi, in sao câu hỏi                                                                                                                                                     | 4.000.000đ/điểm x 1 điểm                 | 8 000 000   |
|     | Chi khác (xăng xe, hỗ trợ thành viên theo dõi, chỉ đạo, thành viên ban tổ chức)                                                                                                                  | 3.000.000đ/điểm x 1 điểm                 | 6 000 000   |
|     | Chi khác (xăng xe, hỗ trợ thành viên theo dõi, chỉ đạo, thành viên ban tổ chức)                                                                                                                  | 3.000.000đ/điểm x 1 điểm                 | 6 000 000   |
| C   | Bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác Phổ biến giáo dục pháp luật cho lực lượng làm công tác PBGDPL theo Thông tư số 142/2014/TT-BTC-BTC ngày 27/1/2017; thông tư 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 |                                          | 529 000 000 |
| I   | Tổ chức 5 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác PBGDPL và kiến thức pháp luật mới cho lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật                                                   |                                          | 369 000 000 |
|     | Tiền thuê hội trường                                                                                                                                                                             | 5.000.000đ/ ngày x 2 ngày/HN x 6 HN      | 60 000 000  |
|     | Tiền tài liệu                                                                                                                                                                                    | 250 cuốnHN x 30.000 đ/cuốn x 6 HN        | 45 000 000  |

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                 | Dự toán thẩm định, phê duyệt                |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                                                                                                                                                                                          | Cơ sở tính                                  | Thành tiền  |
|     | Hỗ trợ kinh phí cho học viên                                                                                                                                                             | 250 người x 50.000đ/ngày x 2 ngày x 6 HN    | 150 000 000 |
|     | Tiền nước uống cho đại biểu                                                                                                                                                              | 250 người x 30.000đ/ngày x 2 ngày/HN x 6 HN | 90 000 000  |
|     | Tiền báo cáo viên                                                                                                                                                                        | 1.000.000đ/ngày x 2 ngày/HN x 6 HN          | 12 000 000  |
|     | Chi khác: quản lý, văn phòng phẩm...                                                                                                                                                     | 2.000.000/HN x 6 HN                         | 12 000 000  |
| II  | Chỉnh lý in ấn tài liệu nghiệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật để cấp phát cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên                                                                    |                                             |             |
|     | Tiền in                                                                                                                                                                                  |                                             |             |
|     | Tiền biên soạn, biên tập                                                                                                                                                                 |                                             |             |
| III | In ấn, phát hành 2 đề cương (mỗi đề cương 7.000 cuốn) giới thiệu các văn bản pháp luật cho lực lượng làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật | 150.000.000/Đề cương x 1 đề cương           | 160 000 000 |
|     | Tiền in                                                                                                                                                                                  | 20.000đ/cuốn x 7.000 cuốn                   | 140 000 000 |
|     | Tiền biên soạn, biên tập                                                                                                                                                                 | 10.000.000/đề cương                         | 20 000 000  |
| D   | Triển khai thi hành Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 02/10/2017                                                    |                                             | 110 500 000 |
|     | Tập huấn đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ quản lý Nhà nước về công tác bồi thường cấp tỉnh: 24 đv x 3 người, cấp huyện 27x 3 người. tổng 152                                                   |                                             | 110 500 000 |
|     | Thuê hội trường                                                                                                                                                                          | 8.000.000đ/ngày x 02 ngày                   | 16 000 000  |
|     | Chi Ma kết, hoa tươi                                                                                                                                                                     |                                             | 2 000 000   |
|     | Chi bồi dưỡng báo cáo viên                                                                                                                                                               | 1.000.000đ/ngày x 02 ngày                   | 2 000 000   |
|     | Nước uống, giải khát giữa giờ                                                                                                                                                            | 30.000đ/người/ngày x 450 người x 02 ngày    | 27 000 000  |
|     | Pho to tài liệu                                                                                                                                                                          | 450 cuốn x 30.000đ/cuốn                     | 13 500 000  |
|     | Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên                                                                                                                                                 | 50.000đ/người/ngày x 2 ngày x 450 người     | 45 000 000  |
|     | Chi khai giảng, bế giảng, quản lý lớp...                                                                                                                                                 |                                             | 5 000 000   |
|     | Tuyên truyền phổ biến Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi hành Hình thức tuyên truyền: cấp, phát sách cho nhân dân                                                                 |                                             |             |
|     | Kinh phí in ấn tài liệu tuyên truyền                                                                                                                                                     | 2000 cuốn x 19.000đ/cuốn                    |             |
|     | Kinh phí in ấn tờ gấp tuyên truyền                                                                                                                                                       | 20.000 người x 2.000đ/tờ                    |             |
|     | Tuyên truyền báo đài                                                                                                                                                                     |                                             |             |

*NTM*

Phụ lục 06:

Kinh phí thực hiện đề án Xã hội hóa công tác PBGDPL và TGPL  
giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị thực hiện: Hội Luật gia tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Kinh phí thực hiện một năm: 300,0 triệu đồng.

Đơn vị tính: Đồng

| STT      | Nội dung                                                                                                     | Dự toán thẩm định, phê duyệt        |                   |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
|          |                                                                                                              | Cơ sở tính                          | Thành tiền        |
|          | <b>Tổng số:</b>                                                                                              |                                     | 300.550.000       |
|          | <b>Làm tròn số:</b>                                                                                          |                                     | 300.000.000       |
| <b>1</b> | <b>Chi Hội nghị triển khai thực hiện đề án, sơ kết (tổ 2 lần)</b>                                            |                                     | <b>18.600.000</b> |
|          | Kinh phí tổ chức 01 hội nghị                                                                                 | -                                   | 18.600.000        |
|          | Hội trường, loa đài, ma kết                                                                                  |                                     | 3.000.000         |
|          | Nước uống                                                                                                    | 80 người x 30.000đ/người            | 2.400.000         |
|          | Phô tô tài liệu                                                                                              | 80 người x 15.000đ/người            | 1.200.000         |
|          | Chi hỗ trợ tiền ăn                                                                                           | 80 người x 150.000đ/người           | 12.000.000        |
|          | Chi văn phòng phẩm HN, chuẩn bị tài liệu, báo cáo, chi khác                                                  |                                     |                   |
| <b>2</b> | <b>Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện PL, cơ chế, chính sách về XHH công tác PBGDPL và TGPL</b> |                                     |                   |
|          | Thu thập, in ấn các văn bản cần nghiên cứu                                                                   | 50 bộ x 30.000đ/bộ                  |                   |
|          | Rà soát đánh giá tác động của chính sách hiện hành                                                           | 50 VB x 70.000đ/vb                  |                   |
|          | Bồi dưỡng, nghiên cứu tài liệu                                                                               | 50 người x 100.000 đ/người          |                   |
|          | Tổng hợp, biên tập, hoàn chỉnh các báo cáo đề xuất sửa đổi bổ sung                                           | 5 người x 2.000.000 đ/người         |                   |
| <b>3</b> | <b>Điều tra, khảo sát mô hình về PBGDPL và TGPL</b>                                                          |                                     | <b>88.200.000</b> |
|          | Chi lập mẫu phiếu điều tra                                                                                   | 3 mẫu x 200.000 đ/mẫu               | 600.000           |
|          | In phiếu điều tra                                                                                            | 3.000 phiếu x 2.000 đ/phiếu         | 6.000.000         |
|          | Chi cho người cung cấp thông tin                                                                             | 2000 phiếu x 20.000 đ/phiếu         | 40.000.000        |
|          | Hỗ trợ công tác phí cán bộ điều tra, khảo sát                                                                | 20 huyện                            | 41.600.000        |
|          | Kinh phí cho 1 huyện                                                                                         | -                                   | 2.080.000         |
|          | Phụ cấp lưu trú                                                                                              | 150.000đ/ người x 10 người x 2 ngày | 600.000           |
|          | Phụ cấp công tác phí                                                                                         | 120.000đ/ người x 10 người x 2 ngày | 480.000           |

| STT | Nội dung                                                                                          | Dự toán thẩm định, phê duyệt            |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------|
|     |                                                                                                   | Cơ sở tính                              | Thành tiền  |
|     | Xăng xe đi lại bình quân 1 huyện đi 180km                                                         | 200km x 20lit/100km x 25.500đ/lit       | 1.000.000   |
|     | Phân tích, tổng hợp viết báo cáo                                                                  |                                         |             |
| 4   | Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức PBPL tại cơ sở                                              | 5 hội nghị x 5 huyện thị                | 143.750.000 |
|     | Kinh phí tổ chức 01 hội nghị                                                                      | -                                       | 28.750.000  |
|     | Hội trường, loa đài, ma kết                                                                       |                                         | 2.000.000   |
|     | Chi bồi dưỡng báo cáo viên                                                                        | 2 người * 500.000đ/ người/buổi x 5 ngày | 5.000.000   |
|     | Nước uống                                                                                         | 150 người x 30.000 đ/người              | 4.500.000   |
|     | Phô tô tài liệu                                                                                   | 150 bộ x 15.000 đ/người                 | 2.250.000   |
|     | Chi hỗ trợ tiền ăn nghỉ, đi lại                                                                   | 150 người x 100.000 đ/người             | 15.000.000  |
|     | Chi phí khác: xăng xe, văn phòng phẩm, quản lý lớp                                                |                                         |             |
| 5   | Biên soạn, in ấn, phát hành tờ gấp pháp luật                                                      |                                         | 25.000.000  |
|     | Biên soạn, biên tập                                                                               |                                         | 5.000.000   |
|     | In ấn                                                                                             | 10.000 tờ x 2.000 đ/tờ                  | 20.000.000  |
| 6   | Tổ chức thi điểm mô hình Trung tâm pháp luật cộng đồng tại VP HLG tỉnh                            |                                         | 15.000.000  |
|     | Mua sắm trang thiết bị                                                                            |                                         |             |
|     | Trang bị tài liệu PL                                                                              |                                         | 5.000.000   |
|     | Thù lao tư vấn viên, trợ giúp viên                                                                | 100 vụ việc x 100.000 đ/vụ việc         | 10.000.000  |
| 7   | Hỗ trợ trang thiết bị, kinh phí cho các cấp HLG để tổ chức hoạt động PBGDPL và TGPL cho người dân | 5 đơn vị x 5.000.000 đ/đv               |             |
| 8   | Chi khác: làm việc đoàn kiểm tra TW, làm thêm giờ, văn phòng phẩm...                              |                                         | 10.000.000  |

*XLM*

Phụ lục 07:

**Kinh phí phối hợp Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật**

**Đơn vị thực hiện: Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa**

(Kèm theo Quyết định số: 41/15 /QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

**Kinh phí thực hiện bình quân một năm: 250,0 triệu đồng.**

Đơn vị: Đồng

| STT | Nội dung                                                                                                     | Dự toán thẩm định, phê duyệt                               |                    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                                                                                                              | Cơ sở tính                                                 | Thành tiền         |
|     | <b>Tổng số:</b>                                                                                              |                                                            | <b>250.000.000</b> |
| 1   | Tập huấn hướng dẫn triển khai xây dựng mô hình điểm về tuyên truyền pháp luật                                | -                                                          | 124.000.000        |
|     | Tiền thuê hội trường, ma kết:                                                                                | 5.000.000đ x 2 ngày                                        | 10.000.000         |
|     | Tiền tài liệu                                                                                                | 300 cuốn x 20.000đ/cuốn                                    | 6.000.000          |
|     | Tiền ăn:                                                                                                     | 120 người x 180.000đ x 2 ngày                              | 36.000.000         |
|     | Tiền ngủ:                                                                                                    | 120 người x 150.000đ x 2 đêm                               | 35.000.000         |
|     | Tiền đi đường:                                                                                               | 120 người x 100.000đ/người (đi và về)                      | 12.000.000         |
|     | Tiền báo cáo viên:                                                                                           | 1.000.000đ/ngày x 2 ngày                                   | 1.000.000          |
|     | Tiền nước uống :                                                                                             | 300 người x 40.000đ x 2 ngày                               | 24.000.000         |
|     | - Thuốc phòng, chi khác                                                                                      |                                                            |                    |
| 2   | Kinh phí chỉ đạo kiểm tra: Chi xăng xe, công tác phí, văn phòng phẩm cho ban chỉ đạo và tổ thư ký giúp việc. | 27 huyện thị x 180.000đ x 3 người<br>18.000đ/lít x 500 lít | 24.000.000         |
| 3   | Tổ chức hội nghị lấy ý kiến tham gia vào dự thảo các bộ luật và luật do Quốc hội ban hành                    | 5 hội nghị x 10.000.000đ/HN                                | 50.000.000         |
| 4   | Hội nghị sơ kết năm:                                                                                         | 0                                                          | 27.000.000         |
|     | Tài liệu:                                                                                                    | 200 cuốn x 20.000đ                                         | 4.000.000          |
|     | Nước uống:                                                                                                   | 200 đại biểu x 40.000đ                                     | 8.000.000          |
|     | Tiền ăn:                                                                                                     | 50 x 100.000đ/người                                        | 5.000.000          |
|     | Tiền ngủ:                                                                                                    | 50 người x 120.000đ/người                                  | 6.000.000          |
|     | Hỗ trợ tiền đi đường cho đại biểu ngoài BC                                                                   | 50 người x 80.000đ/người (đi, về)                          | 4.000.000          |
| 5   | In tài liệu: "Sổ tay công tác Giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam cấp cho: MTTQ tỉnh: 40 cuốn       | 811 cuốn x 30.800đ/cuốn                                    | 25.000.000         |

Phụ lục 08:

Kinh phí các nhiệm vụ về tư vấn pháp luật cho nông dân,  
tổ chức hội nghị, tuyên truyền phổ biến nghề nông của Hội Nông dân

(Kèm theo Quyết định số: 41/15/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Kinh phí thực hiện bình quân một năm: 320,0 triệu đồng.

Đơn vị: Đồng

| STT | Nội dung                                            | Dự toán thẩm định, phê duyệt             |             |
|-----|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------|
|     |                                                     | Cơ sở tính                               | Thành tiền  |
|     | Tổng số:                                            |                                          | 320.450.000 |
|     | Làm tròn số:                                        |                                          | 320.000.000 |
| 1   | Tuyên truyền lưu động:                              | 5 triệu/cuộc/huyện x 10 huyện            | 50.000.000  |
| 2   | In tờ tuyên truyền pháp luật cho hội viên nông dân: |                                          | 50.000.000  |
| 3   | Hội nghị tuyên truyền công tác hội                  |                                          | 10.000.000  |
| 4   | Mở 02 lớp tập huấn phổ biến pháp luật cho hội viên, | mỗi lớp 3 ngày, 5 người/huyện.           | 210.450.000 |
|     | Dự trù kinh phí 1 lớp                               |                                          | 105.225.000 |
|     | - Thuê hội trường, máy chiếu trang trí khánh tiết:  | 3.000.000 x 3 ngày                       | 9.000.000   |
|     | - Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương     | 135 người x 100.000đ/ngày/người x 3 ngày | 40.500.000  |
|     | - Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên không hưởng lương | 130 người x 100.000 đ/người              | 13.000.000  |
|     | - Hỗ trợ tiền ngủ cho học viên không hưởng lương    | 100 người x 100.000đ x 2 đêm             | 20.000.000  |
|     | - Chế độ giảng viên:                                | 500.000đ x 6 buổi                        | 3.000.000   |
|     | - Ban tổ chức lớp:                                  | 3 người x 100.000 đ x 3 ngày             | 900.000     |
|     | - Tiền nước uống học viên                           | 140 người x 40.000 đ x 3 ngày            | 16.800.000  |
|     | - Tiền in tài liệu, văn phòng phẩm:                 | 135 bộ x 15.000đ                         | 2.025.000   |